

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : 255/DBT
Về việc công bố thông tin BCTC
năm 2015

Bến Tre, ngày 16 tháng 3 năm 2016

Kính gửi : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán : DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính : 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Điện thoại : 075.3835 194 – 075.3560 223 Fax : 075.3827467.
5. Người thực hiện công bố thông tin : Bà Nguyễn Thị Cấp Tiến.
6. Nội dung của thông tin công bố : Báo cáo tài chính năm 2015.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : www.bepharco.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Tổng Giám đốc**



DS Võ Minh Tân

Nơi nhận :

- Như trên ;
- Lưu : TCHC.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
BẾN TRE**

Số: 256/CTD

"V/v công bố thông tin năm 2015"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến Tre, ngày 16 tháng 3 năm 2016

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CTY CP DƯỢC PHẨM BẾN TRE
 2. Mã chứng khoán: DBT
 3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre.
 4. Điện thoại: 0753560223. Fax: 0753824248
 5. Người thực hiện công bố thông tin: DS VÕ MINH TÂN – Tổng Giám đốc Công ty.
 6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1. Báo cáo tài chính năm 2015 của CTY CP DƯỢC PHẨM BẾN TRE lập ngày 04 tháng 02 năm 2016 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo tài chính.
 - 6.2. Nội dung giải trình: Giải trình chênh lệch >10% của lợi nhuận sau thuế năm 2015 so với năm trước theo chi tiết sau:
 - Lợi nhuận sau thuế năm 2015 tăng so năm 2014: 95,32% (10.835.626.691 đồng) nguyên nhân chủ yếu là do: lãi từ bán phần vốn góp vào công ty liên doanh Meyer – BPC.
 7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.bepharco.com
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCHC

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



DS Võ Minh Tân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM BẾN TRE

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 - 47
8. Phụ lục	48 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty dược và vật tư y tế Bến Tre theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300382591 (số cũ 5503000017) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 29 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại : (075) 813447 – 822429 - 829528
- Fax : (075) 824248

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Số 9 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 436B/76 đường 3 tháng 2, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Đông dược (*)	Số 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực I (*)	Số 179 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 2, TP. Bến Tre
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực II	Số 7 đường 29/3, khu phố 3, Thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực III (*)	Số 97 đường Công Lý, khu phố 2, Thị trấn Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre

(*) Trong năm các chi nhánh này đã chấm dứt hoạt động.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm; xuất nhập khẩu các mặt hàng thuốc thành phẩm; mua bán dược liệu.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Sản xuất thuốc trị bệnh cho người.
- Bán buôn máy móc thiết bị y tế.
- Sản xuất nước uống đóng chai, thùng.
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Cho thuê kho bãi.
- Cho thuê mặt bằng.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; mua bán thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng).
- Cho thuê mặt bằng để kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Bà Lê Thị Vân Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 02 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Nhân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Phan Trường Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
Bà Phạm Trần Minh Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Thị Minh Hiệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014
Ông Lê Phước Lễ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2007

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Minh Tân – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

04498
CÔNG TY
KIỂM TOÁN VÀ TƯ
& C
PHỐ CỬ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2016





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trung Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0173/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 04 tháng 02 năm 2016, từ trang 07 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Dương Hồng Phúc - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0093-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016

TRÁ
KIỂM
T. V. B. N.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		356.029.811.268	264.997.068.621
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	43.598.080.809	12.489.476.885
1. Tiền	111		43.598.080.809	12.489.476.885
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.875.903.817	1.061.086.533
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	1.152.086.539
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(91.000.006)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.875.903.817	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114.253.712.605	73.836.710.579
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	92.488.126.163	62.214.720.039
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.074.220.920	2.613.540.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.102.150.575	9.441.409.459
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(410.785.053)	(432.959.719)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	187.866.160.295	173.961.143.431
1. Hàng tồn kho	141		191.230.806.791	175.984.680.244
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.364.646.496)	(2.023.536.813)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.435.953.742	3.648.651.193
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	-	23.753.612
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.401.590.040	3.216.892.653
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	34.363.702	408.004.928
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

004
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
CHỨC VỤ: TỔNG GIÁM ĐỐC
A & A
V-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.262.725.880	51.334.309.886
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		230.000.000	96.400.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		230.000.000	96.400.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.378.297.209	29.234.170.726
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	21.885.183.161	23.520.051.838
- Nguyên giá	222		46.134.259.147	44.688.379.536
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.249.075.986)	(21.168.327.698)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	821.844.866	948.282.542
- Nguyên giá	225		1.264.376.732	1.264.376.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(442.531.866)	(316.094.190)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.671.269.182	4.765.836.346
- Nguyên giá	228		5.234.046.000	5.234.046.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(562.776.818)	(468.209.654)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
- Nguyên giá	231		125.214.090	125.214.090
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(125.214.090)	(125.214.090)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		66.363.636	339.090.909
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	66.363.636	339.090.909
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		63.099.572.200	18.086.767.252
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	52.319.195.000	14.226.953.252
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	10.780.377.200	3.859.814.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.488.492.835	3.577.880.999
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.488.492.835	3.577.880.999
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		450.292.537.148	316.331.378.507



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		336.452.369.253	223.557.647.054
I. Nợ ngắn hạn	310		336.341.544.077	222.926.632.678
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	119.170.761.531	85.186.179.511
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	190.246.284	454.188.074
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	5.732.057.811	2.428.058.036
4. Phải trả người lao động	314	V.17	13.505.907.889	3.553.071.022
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	4.655.600.275	2.833.280.958
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	825.151.778	1.104.667.110
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	191.814.478.635	127.328.576.131
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	447.339.874	38.611.836
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		110.825.176	631.014.376
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	-	57.081.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	110.825.176	573.933.376
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		113.840.167.895	92.773.731.453
I. Vốn chủ sở hữu	410		113.790.167.895	92.723.731.453
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	76.998.080.000	69.998.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		76.998.080.000	69.998.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	538.056.160	538.056.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	8.876.126.506	8.876.126.506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.22	2.536.822.093	2.536.822.093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	24.841.083.136	10.773.776.694
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.637.890.056	10.773.776.694
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		22.203.193.080	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50.000.000	50.000.000
1. Nguồn kinh phí	431	V.23	50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		450.292.537.148	316.331.378.507

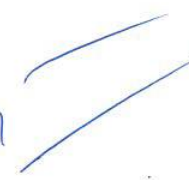
Bến Tre, ngày 04 tháng 02 năm 2016



Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng

Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

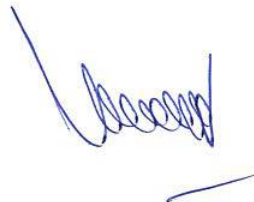
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	557.486.647.210	528.854.349.024
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.370.929.610	5.598.929.420
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		552.115.717.600	523.255.419.604
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	425.635.174.087	404.078.663.123
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		126.480.543.513	119.176.756.481
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	34.168.863.237	9.191.678.955
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16.305.874.576	11.304.208.917
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.193.871.829	9.387.973.307
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	75.902.276.789	92.021.836.509
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	46.827.929.107	15.407.097.484
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.613.326.278	9.635.292.526
11. Thu nhập khác	31	VI.8	8.090.155.667	5.657.889.785
12. Chi phí khác	32	VI.9	91.392.991	6.736.962
13. Lợi nhuận khác	40		7.998.762.676	5.651.152.823
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.612.088.954	15.286.445.349
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	7.408.895.874	3.918.878.960
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>22.203.193.080</u>	<u>11.367.566.389</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>2.826</u>	<u>1.467</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>2.826</u>	<u>1.467</u>

030
CC
CHI
M TO
A
NH

Bến Tre, ngày 04 tháng 02 năm 2016



Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng



Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.612.088.954	15.286.445.349
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	3.858.765.954	3.746.609.772
- Các khoản dự phòng	03	V.2a	1.235.259.811	738.973.265
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	(1.748.775.584)	562.794.569
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 9	(26.635.577.967)	(1.236.447.703)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	9.193.871.829	9.387.973.307
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.515.632.997	28.486.348.559
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(28.821.428.349)	9.891.217.358
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.246.126.547)	(51.705.014.039)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		47.416.663.007	16.147.580.930
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		113.141.776	1.305.331.619
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		1.152.086.539	(385.612.288)
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18; VI.5	(9.193.871.829)	(9.387.973.307)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(4.622.601.328)	(4.264.974.750)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.417.080.420	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.123.719.672)	(1.385.339.146)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.606.857.014	(11.298.435.064)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 13	(1.819.339.091)	(401.490.908)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	20.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b	(15.869.539.393)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2b	9.993.635.576	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c, 4	(76.786.527.520)	(3.663.104.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		38.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	2.451.705.146	1.215.720.430
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.530.065.282)	(2.828.147.205)

449
NG
HIỆM
N VÀ
&
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.802.500.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	432.681.824.103	436.940.355.088
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(368.464.629.799)	(420.206.474.508)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20a	(194.400.000)	(194.400.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19a	660.000	(5.970.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		64.023.454.304	12.371.720.580
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		31.100.246.036	(1.754.861.689)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.489.476.885	14.244.442.067
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		8.357.888	(103.493)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	43.598.080.809	12.489.476.885

Bến Tre, ngày 04 tháng 02 năm 2016



Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng



Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

15-
TY
ƯU H.
TƯ V.
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua và bán dược phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, sự sụt giảm giá của EUR ảnh hưởng đến giá nhập khẩu thuốc từ đó góp phần tăng lợi nhuận cho Công ty

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh Meyer – BPC (*)	6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Sản xuất thuốc	60%	60%	50%
Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương CODUPHA	334 Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dược phẩm	25,16%	25,16%	25,16%

(*) Mặc dù tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty liên doanh Meyer – BPC là 60% nhưng theo thỏa thuận các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty này chỉ được thực hiện trên cơ sở đồng thuận (tỷ lệ quyền biểu quyết 50:50). Do vậy Công ty liên doanh Meyer - BPC không bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty liên doanh Meyer – BPC được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết”. Tại thời điểm cuối năm Công ty liên doanh Meyer – BPC không còn là Công ty liên kết do Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của mình trong Công ty liên doanh Meyer – BPC theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 01 tháng 10 năm 2015.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 355 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 396 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

100
RÁC
EM
BÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trích lập khi công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

15-C.
TY
ĐẦU TƯ VÀ
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (46 năm).

Các chi phí trả trước khác

Chi phí sửa chữa văn phòng, cửa hàng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính là 10 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất là 6 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 35 đến 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19815-
G TY
H HUU
VA TUV
C
HO C

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	310.090.877	126.157.815
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.079.476.668	12.363.319.070
Tiền đang chuyển	50.000.000	-
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	158.513.264	-
Cộng	<u>43.598.080.809</u>	<u>12.489.476.885</u>

⁽ⁱ⁾ Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có thời hạn 1 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre, lãi nhập vốn.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm: chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty cổ phần đầu tư và công nghiệp Tân Tạo	-	-	-	305.155.948	272.000.000	(33.155.948)
Công ty cổ phần Tập đoàn FLC	-	-	-	594.653.053	555.900.000	(38.753.053)
Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh	-	-	-	49.236.529	51.471.000	-
Các cổ phiếu khác	-	-	-	203.041.009	183.950.000	(19.091.005)
Cộng	-	-	-	1.152.086.539	1.063.321.000	(91.000.006)

Trong năm số lượng chứng khoán kinh doanh có sự thay đổi:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn FLC: tăng do nhận thêm 10.200 cổ phiếu thưởng.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn: tăng do nhận thêm 500 cổ phiếu thưởng.

Đến thời điểm cuối năm, Công ty đã bán toàn bộ chứng khoán kinh doanh với số tiền thu về là 886.506.189VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(91.000.006)	(24.282.168)
Trích lập dự phòng bổ sung	(295.270.000)	(242.444.125)
Hoàn nhập dự phòng	386.270.006	175.726.287
Số cuối năm	-	(91.000.006)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Chi nhánh Hà Nội, Ninh Bình, Đà Nẵng, Khánh Hòa và Cần Thơ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam.

Các khoản tiền gửi này được cầm cố tại cùng Chi nhánh Ngân hàng để bảo đảm cho Hợp đồng cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của các chi nhánh Ngân hàng này.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	52.319.195.000	14.226.953.252
Công ty liên doanh Meyer - BPC ⁽¹⁾	-	14.226.953.252
Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương CODUPHA	52.319.195.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.780.377.200	3.859.814.000
Công ty cổ phần dược phẩm Việt Nam	130.000.000	130.000.000
Công ty cổ phần dược phẩm Trà Vinh	66.710.000	66.710.000
Công ty cổ phần sách và dịch vụ văn hóa Long An	3.663.104.000	3.663.104.000
Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái ⁽²⁾	6.920.563.200	-
Cộng	63.099.572.200	18.086.767.252

⁽¹⁾ Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2215/GP ngày 20 tháng 8 năm 2001 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh Meyer – BPC 900.000USD, tương đương 60% vốn điều lệ, tỷ lệ quyền biểu quyết là 50:50. Tại thời điểm cuối năm, Công ty liên doanh Meyer – BPC không còn là Công ty liên doanh của Công ty do Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu trong Công ty liên doanh theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 01 tháng 10 năm 2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Trong năm Công ty đã mua 293.120 cổ phiếu của Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái với giá mua là 23.600 VND/cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 293.120 cổ phiếu, tương đương 18,08% vốn điều lệ của Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái.

Các khoản đầu tư góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Tại thời điểm cuối năm, Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương CODUPHA chưa chính thức đi vào hoạt động.

Giao dịch với công ty liên kết

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương CODUPHA.

Cam kết góp vốn

- Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT – 2015 ngày 24 tháng 4 năm 2015, Công ty quyết định đầu tư vào Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phương Đông bằng hình thức nhận chuyển nhượng 2.549.725 cổ phần, tương ứng 51% vốn điều lệ của Công ty này. Thực hiện quyết định trên, Công ty đã ứng trước 15% giá trị của Thỏa thuận chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần giữa Công ty và ông Lê Văn Minh (xem thuyết minh số 4).
- Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 17/NQ-HĐQT-2015 ngày 24 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận chuyển nhượng thêm 99.230 cổ phần của Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái để tăng tỷ lệ sở hữu từ 18,08% lên 24,24%. Việc thanh toán đã hoàn tất, nhưng chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu (xem thuyết minh số 4).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty liên doanh Meyer – BPC (*)	45.553.749	82.067.407
Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh	2.928.951.059	468.658.530
Bệnh Viện Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre	6.825.054.226	2.220.031.269
Nguyễn Minh Đức	4.831.992.060	-
Phải thu các khách hàng khác	77.856.575.069	59.443.962.833
Cộng	<u>92.488.126.163</u>	<u>62.214.720.039</u>

(*) Tại thời điểm cuối năm, Công ty liên doanh Meyer – BPC không còn là bên liên quan của Công ty (xem Thuyết minh V.2c).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hãng dược phẩm Raptakos - Ấn Độ	-	1.934.155.800
Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd	-	428.100.000
Công ty TNHH MTV Vắcxin và Sinh phẩm Nha Trang	1.048.340.000	-
Ông Lê Văn Minh ⁽ⁱ⁾	13.768.515.000	-
Ông Lê Việt Hùng ⁽ⁱⁱ⁾	2.729.914.320	-
Các người bán khác	527.451.600	251.285.000
Cộng	<u>18.074.220.920</u>	<u>2.613.540.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Ứng trước 15% giá trị của Thỏa thuận chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Phương Đông giữa Công ty và ông Lê Văn Minh (xem thuyết minh số V.2c).
- (ii) Trả trước tiền chuyển nhượng 99.920 cổ phiếu của Công ty cổ phần dược phẩm Yên Bái theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần số 02/2015/CNCP-DPYB ngày 24 tháng 12 năm 2015.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng (*)	2.713.547.583	-	7.868.556.931	-
Tạm ứng	743.039.658	-	838.701.460	-
Các khoản chi hộ - Thuế Thu nhập cá nhân	531.313.769	-	604.469.027	-
Ký quỹ thuê tài chính	96.400.000	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và thuế tài chính chưa kê khai khấu trừ	17.849.565	-	129.682.041	-
Cộng	4.102.150.575	-	9.441.409.459	-

(*) Tiền ký quỹ tại các chi nhánh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và khách hàng để bảo đảm cho các Hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc cho các Bệnh viện và các khách hàng khác.

6. Nợ xấu

<u>Thời gian quá hạn</u>	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dưới 6 tháng	60.620.783.879	60.620.783.879	11.228.185.350	11.228.185.350
Từ 6 tháng đến 1 năm	2.721.534.242	2.721.534.242	889.982.531	889.982.531
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	320.604.736	237.915.191	107.416.061	16.276.650
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	120.272.850	-
Trên 3 năm	328.095.508	-	221.547.458	-
Cộng	63.991.018.365	63.580.233.312	12.567.404.250	12.134.444.531

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Cộng
Số đầu năm	432.959.719
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(14.849.866)
Xử lý xóa sổ nợ phải thu khó đòi	(7.324.800)
Số cuối năm	410.785.053

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	10.192.379.231	-	4.009.034.860	-
Nguyên liệu, vật liệu	832.854.739	-	1.328.059.949	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	103.496.030	-	49.878.259	-
Hàng hóa	180.102.076.791	(3.364.646.496)	170.597.707.176	(2.023.536.813)
Cộng	191.230.806.791	(3.364.646.496)	175.984.680.244	(2.023.536.813)

Giá trị hàng hóa tồn kho (thuộc các loại) gần hết hạn sử dụng khó tiêu thụ cuối năm là 4.321.681.476 VND (số đầu năm là 4.109.350.848 VND).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.023.536.813)	(1.429.420.797)
Trích lập bổ sung	(1.341.109.683)	(594.116.016)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(3.364.646.496)	(2.023.536.813)

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	3.052.938.982	3.153.035.350
Công cụ, dụng cụ	430.258.968	357.130.658
Các chi phí trả trước dài hạn khác	5.294.885	67.714.991
Cộng	3.488.492.835	3.577.880.999

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	28.940.497.805	2.431.508.494	5.416.031.691	7.900.341.546	44.688.379.536
Tăng trong năm	327.272.728	1.114.430.000	650.363.636	-	2.092.066.364
Mua sắm mới	-	1.114.430.000	650.363.636	-	1.764.793.636
Xây dựng cơ bản hoàn thành	327.272.728	-	-	-	327.272.728
Thanh lý trong năm	(445.424.473)	-	-	(200.762.280)	(646.186.753)
Số cuối năm	28.822.346.060	3.545.938.494	6.066.395.327	7.699.579.266	46.134.259.147
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.311.092.797	180.021.169	1.343.616.753	1.379.310.090	4.214.040.809
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	12.768.496.600	1.146.022.810	3.519.034.715	3.734.773.573	21.168.327.698
Khấu hao trong năm	1.817.221.768	415.324.125	532.879.241	872.335.980	3.637.761.114
Thanh lý trong năm	(420.620.706)	-	-	(136.392.120)	(557.012.826)
Số cuối năm	14.165.097.662	1.561.346.935	4.051.913.956	4.470.717.433	24.249.075.986



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.172.001.205	1.285.485.684	1.896.996.976	4.165.567.973	23.520.051.838
Số cuối năm	<u>14.657.248.398</u>	<u>1.984.591.559</u>	<u>2.014.481.371</u>	<u>3.228.861.833</u>	<u>21.885.183.161</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 15.374350.037 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.21a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.264.376.732
Số cuối năm	<u>1.264.376.732</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	316.094.190
Khấu hao trong năm	126.437.676
Số cuối năm	<u>442.531.866</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	948.282.542
Số cuối năm	<u>821.844.866</u>

Theo hợp đồng cho thuê tài chính số 14/2011/CN1-CTTC ngày 02 tháng 6 năm 2011, Công ty được quyền mua tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	5.234.046.000
Số cuối năm	<u>5.234.046.000</u>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	468.209.654
Khấu hao trong năm	94.567.164
Số cuối năm	<u>562.776.818</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.765.836.346
Số cuối năm	<u>4.718.552.764</u>
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Toàn bộ tài sản cố định vô hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.21a).

12. Bất động sản đầu tư

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	125.214.090
Số cuối năm	<u>125.214.090</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	125.214.090
Số cuối năm	<u>125.214.090</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-

Bất động sản đầu tư của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất tại số 19 đường Đồng Khởi, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Năm nay chưa có khách thuê nên không có doanh thu.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang:				
- Công trình xây dựng bể nước chữa cháy tại KCN Tân Tạo	272.727.273	54.545.455	(327.272.728)	-
- Công trình lắp đặt hệ thống PCCC tại KCN Tân Tạo	66.363.636	-	-	66.363.636
Cộng	<u>339.090.909</u>	<u>54.545.455</u>	<u>(327.272.728)</u>	<u>66.363.636</u>

14. Phải trả người bán ngắn hạn

14a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty liên doanh Meyer – BPC (*)	7.175.709.183	10.013.229.135
Meditop Pharmaceutical Ltd	2.430.860.088	2.429.809.980
Chemical Works of Gedeon Richter Ltd	72.662.911.023	26.375.365.668
Human Bioplazma Manufacturing and Trading	-	14.659.415.425
Các nhà cung cấp khác	36.901.281.237	31.708.359.303
Cộng	<u>119.170.761.531</u>	<u>85.186.179.511</u>

(*) Tại thời điểm cuối năm, Công ty liên doanh Meyer – BPC không còn là bên liên quan của Công ty (xem Thuyết minh V.2c).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phú Thành	-	454.188.074
Các khách hàng khác	190.246.284	-
Cộng	190.246.284	454.188.074

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế	5%
- Dịch vụ và hàng hóa khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.612.088.954	15.286.445.349
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.502.652.817	2.539.764.213
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	36.114.741.771	17.826.209.562
Thu nhập được miễn thuế	(2.437.942.348)	(990.027.600)
Thu nhập tính thuế	33.676.799.423	16.836.181.962
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.408.895.874	3.703.960.031
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	<i>214.918.929</i>
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.408.895.874	3.918.878.960

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/ĐHĐCĐTN2014 ngày 17 tháng 4 năm 2015, quỹ lương năm 2015 không vượt quá 20% doanh thu năm 2015, đồng thời phải bảo đảm lợi nhuận được giao năm 2015 ít nhất bằng 90% kế hoạch được giao.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	1.824.384.775	2.833.280.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.831.215.500	-
Cộng	<u>4.655.600.275</u>	<u>2.833.280.958</u>

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	146.910.564	123.557.004
Bảo hiểm xã hội	14.086.332	34.893.782
Nhận ký quỹ ngắn hạn	43.000.000	91.784.000
Cổ tức phải trả	273.034.350	273.694.350
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	194.779.000	233.000.000
Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên và không thường xuyên phải nộp hộ	153.341.532	102.707.013
Các khoản phải trả khác	-	245.030.961
Cộng	<u>825.151.778</u>	<u>1.104.667.110</u>

19b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
Vay của Giám đốc Công ty ⁽ⁱ⁾	7.550.000.000	7.550.000.000	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác và cá nhân</i>				
Vay ngắn hạn Ngân hàng ⁽ⁱⁱ⁾	184.264.478.635	184.264.478.635	126.684.176.131	126.684.176.131
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	175.658.933.798	175.658.933.798	112.712.739.494	112.712.739.494
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	8.142.436.637	8.142.436.637	13.971.436.637	13.971.436.637
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	270.000.000	270.000.000	450.000.000	450.000.000
	193.108.200	193.108.200	194.400.000	194.400.000
Cộng	191.814.478.635	191.814.478.635	127.328.576.131	127.328.576.131

(i) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Võ Minh Tân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất Ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ nhà xưởng, máy móc, thiết bị và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.11).

(iii) Vay không có tài sản đảm bảo cán bộ nhân viên và các cá nhân khác để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất Ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền vay phát sinh trong năm		Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm		Số cuối năm
	Số đầu năm	Số cuối năm		Số đầu năm	Số cuối năm	
Vay ngắn hạn ngân hàng	112.712.739.494	411.629.192.103	-	(348.682.997.799)	175.658.933.798	
Vay ngắn hạn các cá nhân	13.971.436.637	21.052.632.000	-	(19.331.632.000)	15.692.436.637	
Vay dài hạn đến hạn trả	450.000.000	-	270.000.000	(450.000.000)	270.000.000	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	194.400.000	-	193.108.200	(194.400.000)	193.108.200	
Cộng	127.328.576.131	432.681.824.103	463.108.200	(368.659.029.799)	191.814.478.635	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	-	-	337.500.000	337.500.000
Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	67.500.000	67.500.000	193.108.200	193.108.200
Nợ dài hạn khác ⁽ⁱⁱ⁾	43.325.176	43.325.176	43.325.176	43.325.176
Cộng	110.825.176	110.825.176	573.933.376	573.933.376

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị xưởng thuốc, nhà làm việc và nhà kho các chi nhánh với lãi suất bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ và được xác định lại định kỳ 3 tháng 1 lần; thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản.

⁽ⁱⁱ⁾ Số tiền nhận nợ không trả lãi từ Quỹ EC của Sở Y tế tỉnh Bến Tre.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Số cuối năm			
Vay dài hạn ngân hàng	337.500.000	270.000.000	67.500.000
Nợ thuê tài chính	193.108.200	193.108.200	-
Nợ dài hạn khác	43.325.176	-	43.325.176
Cộng	573.933.376	463.108.200	110.825.176
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	787.500.000	450.000.000	337.500.000
Nợ thuê tài chính	387.508.200	194.400.000	193.108.200
Nợ dài hạn khác	43.325.176	-	43.325.176
Cộng	1.218.333.376	644.400.000	573.933.376

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Tiền gốc phải trả	193.108.200	-	193.108.200
Lãi thuê phải trả	19.431.660	-	19.431.660
Nợ thuê tài chính phải trả	212.539.860	-	212.539.860
Số đầu năm			
Tiền gốc phải trả	194.400.000	193.108.200	387.508.200
Lãi thuê phải trả	49.410.165	19.431.660	68.841.825
Nợ thuê tài chính phải trả	243.810.165	212.539.860	456.350.025



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	337.500.000	(270.000.000)	67.500.000
Nợ thuê tài chính	193.108.200	(193.108.200)	-
Nợ dài hạn khác	43.325.176	-	43.325.176
Cộng	573.933.376	463.108.200	110.825.176

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	38.611.836	19.251.303
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.136.756.638	111.627.226
Chi quỹ	(728.028.600)	(92.266.693)
Số cuối năm	447.339.874	38.611.836

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần cơ khí Ngân hàng	39.600.000.000	17.000.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác	37.398.080.000	52.998.950.000
Cộng	76.998.080.000	69.998.950.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.699.808	6.699.895
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.699.808	6.699.895
- Cổ phiếu phổ thông	7.699.808	6.699.895
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.699.808	6.699.895
- Cổ phiếu phổ thông	7.699.808	6.699.895
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 số 01/ĐHĐCĐTN2014 ngày 17 tháng 4 năm 2015 lợi nhuận năm 2014 được phân phối như sau:

VND

- Chia cổ tức lần 2 năm 2014 cho các cổ đông bằng cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ : 6.999.890.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 10% lợi nhuận sau thuế : 1.136.756.638

Trong năm, Công ty đã thực hiện xong việc phân phối lợi nhuận năm 2014 nêu trên.

23. Nguồn kinh phí

Kinh phí lập từ thuốc dự phòng.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

24a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	20,715.76	20,700.24
Euro (EUR)	10,580.59	120.71

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu ông Hoàng Lê Duy Việt – Kế toán trưởng chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng – với số tiền là 5.283.260.500 VND đã được xóa sổ do đang sự đang thụ án, không có khả năng trả nợ.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	552.028.439.372	524.817.492.824
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	5.248.460.668	3.896.694.220
Doanh thu dịch vụ ủy thác	209.747.170	140.161.980
Cộng	557.486.647.210	528.854.349.024

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	(3.580.266.449)	(3.283.214.825)
Hàng bán bị trả lại	(1.766.963.232)	(2.312.918.395)
Giảm giá hàng bán	(23.699.929)	(2.796.200)
Cộng	(5.370.929.610)	(5.598.929.420)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã tiêu thụ.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	419.015.834.042	398.664.807.553
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.256.967.380	1.891.073.340
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	3.021.262.982	2.928.666.214
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.341.109.683	594.116.016
Cộng	<u>425.635.174.087</u>	<u>404.078.663.123</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.562.798	225.300.043
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	260.077.235	97.282.463
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.441.142.348	990.027.600
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.748.775.584	562.794.569
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.096.888.294	6.591.557.863
Lãi thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.	24.303.443.317	266.292.544
Doanh thu hoạt động tài chính khác - Chiết khấu thanh toán được hưởng	307.973.661	458.423.873
Cộng	<u>34.168.863.237</u>	<u>9.191.678.955</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9.193.871.829	9.387.973.307
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.934.158.930	1.837.448.109
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(91.000.006)	66.717.838
Chi phí tài chính khác	268.843.823	12.069.663
Cộng	<u>16.305.874.576</u>	<u>11.304.208.917</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	49.102.417.647	63.192.809.863
Chi phí vật liệu, bao bì	493.162.617	1.863.983.325
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.038.321.856	1.485.178.138
Chi phí khuyến mãi	14.240.945.393	8.697.448.998
Các chi phí khác	11.027.429.276	16.782.416.185
Cộng	<u>75.902.276.789</u>	<u>92.021.836.509</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	30.739.438.441	7.522.279.465
Chi phí vật liệu quản lý	874.663.500	392.224.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.547.950.346	979.147.823
Thuế, phí và lệ phí	345.792.262	227.551.640
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	(14.849.866)	78.139.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.331.519.978	2.892.470.078
Các chi phí khác	7.003.414.446	3.315.284.259
Cộng	<u>46.827.929.107</u>	<u>15.407.097.484</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định		20.727.273
Hàng khuyến mãi	848.796.545	586.259.745
Chênh lệch hàng thừa khi kiểm kê	164.636.250	536.321.400
Thu từ thuê nhà, thuê kho, nhân công và bảo vệ	794.603.933	718.244.755
Các khoản nợ không còn phải trả	5.832.456.987	-
Thu nhập khác	449.661.952	3.796.336.612
Cộng	<u>8.090.155.667</u>	<u>5.657.889.785</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	89.173.927	-
Các khoản khác	2.219.064	6.736.962
Cộng	<u>91.392.991</u>	<u>6.736.962</u>

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.203.193.080	11.367.566.389
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(444.063.862)	(1.136.756.638)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	21.759.129.218	10.230.809.751
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.699.808	6.972.099
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.826</u>	<u>1.467</u>

10b. Thông tin khác

Ngày 18 tháng 12 năm 2015 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.630 VND xuống còn 1.467 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.854.602.923	3.702.322.900
Chi phí nhân công	81.841.521.827	72.327.812.027
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.858.765.954	3.746.609.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.909.748.418	14.275.226.010
Chi phí khác	17.359.414.947	18.262.728.123
Cộng	127.824.054.069	112.314.698.832

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có số tiền là 2.713.547.583VND đang ký quỹ dưới hình thức tiền gửi và tiền mặt tại các chi nhánh Bến Tre, TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Ninh Bình, Đà Nẵng, Khánh Hòa và Cần Thơ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và các khách hàng để bảo đảm cho các Hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc cho các bệnh viện và các tổ chức khác, các khoản này được hoàn lại khi hết thời hạn bảo lãnh (xem thuyết minh số V.5).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	34.525.527	34.525.527
Trên 1 năm đến 5 năm	138.102.108	138.102.108
Trên 5 năm	189.890.399	224.415.926
Cộng	362.518.034	397.043.561

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Ban điều hành như sau:

	Năm nay	Năm trước
Vay ngắn hạn	7.550.000.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18 và V.20.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.948.633.831 VND (năm trước là 1.511.988.784 VND).

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương CODUPHA là công ty liên kết; Công ty này chưa chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần nên chưa có giao dịch phát sinh và số dư.

3. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong một khu vực địa lý là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất qui mô nhỏ, doanh thu chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 1% tổng doanh thu).

4. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

Các chỉ tiêu được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước trình bày lại	Trình bày lại	Số liệu sau khi trình bày lại	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Đầu tư ngắn hạn		1.152.086.539	(1.152.086.539)	-	(i)
Chứng khoán kinh doanh	121	-	1.152.086.539	1.152.086.539	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	734.151.068	8.707.258.391	9.441.409.459	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	155	8.707.258.391	(8.707.258.391)	-	(ii)
Phải thu dài hạn khác	216	-	96.400.000	96.400.000	(iii)
Tài sản dài hạn khác	268	96.400.000	(96.400.000)	-	(iii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.008.977.974	3.867.148.532	8.876.126.506	(iv)
Quỹ dự phòng tài chính		3.867.148.532	(3.867.148.532)	-	(iv)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu hoạt động tài chính	21	9.473.321.743	(281.642.788)	9.191.678.955	(v)
Chi phí hoạt động tài chính	22	(11.585.851.705)	281.642.788	(11.304.208.917)	(v)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Chứng khoán kinh doanh	13	-	(385.612.288)	(385.612.288)	(vi)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	4.552.657.476	(4.552.657.476)	-	(vi)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.323.608.910)	4.938.269.764	(1.385.339.146)	(vi)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Phân loại khoản đầu tư ngắn hạn sang chỉ tiêu Chứng khoán kinh doanh.
- (ii) Phân loại lại các khoản tạm ứng, ký quỹ từ chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn khác sang chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác.
- (iii) Phân loại lại khoản ký quỹ dài hạn từ chỉ tiêu Tài sản dài hạn khác sang chỉ tiêu Phải thu dài hạn khác.
- (iv) Kết chuyển Quỹ dự phòng tài chính vào chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển.
- (v) Kết chuyển bù trừ khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán trong chỉ tiêu Chi phí tài chính với khoản lãi do thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán trong chỉ tiêu thu nhập tài chính và kết chuyển khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán trong chỉ tiêu Thu nhập tài chính với khoản Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán trong chỉ tiêu Chi phí tài chính.
- (vi) Điều chỉnh phân loại lại khoản chênh lệch giữa khoản thu từ bán chứng khoán kinh doanh trong chỉ tiêu Thu khác từ hoạt động kinh doanh với chi do mua chứng khoán kinh doanh trong chỉ tiêu Chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh để phản ánh chỉ tiêu Chứng khoán kinh doanh.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

5a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

044
ĐƠN
NHIỆ
ĐÁN
&
-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.598.080.809	-	-	43.598.080.809
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.875.903.817	-	-	5.875.903.817
Phải thu khách hàng	28.497.107.798	63.580.233.312	410.785.053	92.488.126.163
Các khoản phải thu khác	3.039.947.583	-	-	3.039.947.583
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	28.327.146.520	-	-	28.327.146.520
Cộng	109.338.186.527	63.580.233.312	410.785.053	173.329.204.892
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.489.476.885	-	-	12.489.476.885
Chứng khoán kinh doanh	49.236.529	-	1.102.850.010	1.152.086.539
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	49.647.315.789	12.567.404.250	-	62.214.720.039
Các khoản phải thu khác	7.964.956.931	-	-	7.964.956.931
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.859.814.000	-	-	3.859.814.000
Cộng	74.010.800.134	12.567.404.250	1.102.850.010	87.681.054.394

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 6 tháng	60.620.783.879	11.228.185.350
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	2.721.534.242	889.982.531
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	237.915.191	16.276.650
Cộng	63.580.233.312	12.134.444.531

5b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	191.814.478.635	110.825.176	191.925.303.811
Phải trả người bán	119.170.761.531	-	119.170.761.531
Các khoản phải trả khác	5.166.413.625	-	5.166.413.625
Cộng	316.151.653.791	110.825.176	316.262.478.967

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số đầu năm			
Vay và nợ	127.328.576.131	573.933.376	127.902.509.507
Phải trả người bán	85.186.179.511	-	85.186.179.511
Các khoản phải trả khác	3.431.759.308	57.081.000	3.488.840.308
Cộng	215.946.514.950	631.014.376	216.577.529.326

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

5c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh dược phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.715,76	10.580,59	20.700,24	120,71
Phải trả người bán	(194.280,44)	(2.942.785,98)	(113.516,00)	(1.569.207,69)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(173.564,68)	(2.932.205,39)	(92.815,76)	(1.569.086,98)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 1.129.151.245 VND (năm trước giảm/tăng 640.093.343 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 191.881.978.635 VND (số đầu năm là 127.859.184.331 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 2.993.358.867 VND (năm trước giảm/tăng 1.994.603.276 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

5d. Tài sản đảm bảo

Tài sản cầm cố cho đơn vị khác

Để bảo đảm cho Hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng Công ty cầm cố các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng (xem thuyết minh số V.2b) và tiền ký quỹ ngắn hạn (thuyết minh V.5) tại các chi nhánh của các Ngân hàng phát hành chứng thư bảo lãnh và khách hàng.

Giá trị sổ sách của tài sản cầm cố tại ngày kết thúc năm tài chính là 8.589.451.400 VND (số đầu năm là 7.868.556.931 VND)

Công ty sẽ được hoàn ký quỹ khi các Hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng hết hiệu lực.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không có nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.598.080.809	-	12.489.476.885	-	43.598.080.809	12.489.476.885
Chứng khoán kinh doanh	-	-	1.152.086.539	(91.000.006)	-	1.061.086.533
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.875.903.817	-	-	-	5.875.903.817	-
Phải thu khách hàng	92.488.126.163	(410.785.053)	62.214.720.039	(432.959.719)	92.077.341.110	61.781.760.320
Các khoản phải thu khác	3.039.947.583	-	7.964.956.931	-	3.039.947.583	7.964.956.931
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	28.327.146.520	-	3.859.814.000	-	28.327.146.520	3.859.814.000
Cộng	173.329.204.892	(410.785.053)	87.681.054.394	(523.959.725)	172.918.419.839	87.157.094.669

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	191.925.303.811	127.902.509.507	191.925.303.811
Phải trả người bán	119.170.761.531	85.186.179.511	119.170.761.531	85.186.179.511
Các khoản phải trả khác	5.166.413.625	3.488.840.308	5.166.413.625	3.488.840.308
Cộng	316.262.478.967	216.577.529.326	316.262.478.967	216.577.529.326

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

SOC
CÉ
CHI
MTC
A
/INH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 14 tháng 01 năm 2016, Công ty sẽ tạm chi cổ tức năm 2015 cho các cổ đông theo tỷ lệ 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000VND) và thanh toán vào ngày 29 tháng 02 năm 2016.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 04 tháng 02 năm 2016



Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng



Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 1: Chi tiết thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	266.342.689	-	4.101.738.130	(3.574.442.632)	793.638.187	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	(56.990.226)	14.467.176.511	(14.410.186.285)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(2.922.904)	-	-	-	(2.922.904)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.294.696.464	-	7.408.895.874	(4.622.601.328)	4.080.991.010	-
Thuế thu nhập cá nhân	867.018.883	-	1.798.519.304	(1.808.109.573)	857.428.614	-
Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
Tiền thuế đất	-	(348.091.798)	322.248.606	(5.597.606)	-	(31.440.798)
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	2.428.058.036	(408.004.928)	28.098.578.425	(24.420.937.424)	5.732.057.811	(34.363.702)

Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu

Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 04 tháng 02 năm 2016



Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	26.493.488.000	(1.264.443.840)	7.772.872.054	2.536.822.093	20.129.502.071	85.668.240.378
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	11.367.566.389	11.367.566.389
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	1.103.254.452	-	(1.214.881.678)	(111.627.226)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	39.998.950.000	38.056.160	1.264.443.840	-	-	(13.505.462.000)	1.802.500.000
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-	(5.948.500.000)	(5.948.500.000)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(54.448.088)	(54.448.088)
Chi khác	-	-	-	-	-	10.773.776.694	10.773.776.694
Số dư cuối năm trước	69.998.950.000	538.056.160	-	8.876.126.506	2.536.822.093	24.841.083.136	92.723.731.453
Số dư đầu năm nay	69.998.950.000	538.056.160	-	8.876.126.506	2.536.822.093	10.773.776.694	92.723.731.453
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	22.203.193.080	22.203.193.080
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	(1.136.756.638)	(1.136.756.638)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	6.999.130.000	-	-	-	-	(6.999.130.000)	-
Số dư cuối năm nay	76.998.080.000	538.056.160	-	8.876.126.506	2.536.822.093	24.841.083.136	113.790.167.895

Bến Tre, ngày 04 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Văn Chí Cường
Kế toán trưởng



Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu